

NGÔN NGỮ - VĂN HOÁ DÂN TỘC THIỂU SỐ

## TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGÔN NGỮ CỦA HỌC SINH PÀ THẺN Ở HÀ GIANG

NGUYỄN THỊ HẰNG NGA  
(Cao học NN K17, ĐH Thái Nguyên)

1. Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc và đa ngôn ngữ. Một trong những đặc điểm nổi bật trong đời sống ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số (DTTS) ở nước ta là hiện tượng song ngữ/đa ngữ. Dân tộc Pà Thẻn ở Hà Giang cũng không là một ngoại lệ.

Dân tộc Pà Thẻn (hay còn gọi là Pà Hưng) là một trong 53 DTTS ở nước ta và là một trong ba dân tộc nói các ngôn ngữ thuộc ngữ hệ Hmông – Miên. Với dân số khoảng 6.811 người (theo kết quả điều tra dân số tháng 4 năm 2009), người Pà Thẻn cư trú chủ yếu ở hai tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang.

Ở Hà Giang, người Pà Thẻn cư trú chủ yếu ở các xã Tân Lập và Hữu Sản của huyện Bắc Quang; các xã Tân Trịnh, Tân Bắc và Yên Thành của huyện Quang Bình. Họ sống xen kẽ cùng với các dân tộc khác như: Kinh, Tày, Dao, La Chí... Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng song ngữ / đa ngữ. Tuy nhiên, trong thời gian qua, tình hình sử dụng ngôn ngữ của người Pà Thẻn ra sao lại chưa được quan tâm nghiên cứu, để từ đó có phương hướng và các biện pháp bảo tồn và phát triển thành tố văn hóa này.

Bài viết này nhằm khảo sát tình hình sử dụng ngôn ngữ của học sinh (HS) Pà Thẻn ở Hà Giang. Nghiên cứu này có thể giúp ta phần nào có cái nhìn về tình hình sử dụng ngôn ngữ của các cá thể song ngữ Pà Thẻn trong một môi trường đặc biệt là giáo dục và có thể dùng để tham khảo đối với việc giáo dục ngôn ngữ ở địa phương, với đối tượng này.

Bài viết được thực hiện trên cơ sở sau:

Địa điểm khảo sát:

- Trường Tiểu học Tân Nam, xã Tân Trịnh, huyện Quang Bình - Hà Giang.

- Trường Tiểu học Tân Bắc, xã Tân Bắc, huyện Quang Bình - Hà Giang.

Đây là hai trường Tiểu học có số lượng HS Pà Thẻn đông nhất so với những trường khác ở Hà Giang.

Đối tượng người được khảo sát:

- HS Pà Thẻn ở bậc Tiểu học, đang học các lớp Một, lớp Ba và lớp Năm. Tổng số HS được khảo sát là 90 em, trong đó:

Theo trường: 50 HS (chiếm 55,6%) thuộc trường Tiểu học Tân Bắc; 40 HS (chiếm 44,4%) thuộc trường Tiểu học Tân Nam.

Theo khối lớp:

30 HS lớp Một: 15 HS thuộc trường Tiểu học Tân Bắc (chiếm 50%) và 15 HS thuộc trường Tiểu học Tân Nam (chiếm 50%).

30 HS lớp Ba: 15 HS thuộc trường Tiểu học Tân Bắc (chiếm 50%) và 15 HS thuộc trường Tiểu học Tân Nam (chiếm 50%).

30 HS lớp Năm: 20 HS thuộc trường Tiểu học Tân Bắc (chiếm 66,7%) và 10 HS thuộc trường Tiểu học Tân Nam (chiếm 33,3%).

Theo giới tính:

45 HS nam: 30 HS thuộc trường Tiểu học Tân Bắc (chiếm 66,7%) và 15 HS thuộc trường Tiểu học Tân Nam (chiếm 33,3%).

45 HS nữ: 20 HS thuộc trường Tiểu học Tân Bắc (chiếm 44,4%) và 25 HS thuộc trường Tiểu học Tân Nam (chiếm 55,6%).

- 61 phụ huynh HS, trong đó: 13 phụ huynh khối lớp Một (chiếm 21,3%); 26 phụ huynh khối lớp Ba (chiếm 42,6%); 22 phụ huynh khối lớp Năm (chiếm 36,1%).

## 2. Đặc điểm sử dụng ngôn ngữ của học sinh Pà Thên ở Hà Giang

*Khả năng nắm được các ngôn ngữ (tiếng Việt-TV; tiếng mẹ đẻ-TMĐ) của HS được thể hiện qua các số liệu sau:*

| khả năng<br>ngôn ngữ | nghe được,<br>nói được | nghe được,<br>không biết nói | biết nói,<br>biết chữ* | biết nói,<br>không biết chữ |
|----------------------|------------------------|------------------------------|------------------------|-----------------------------|
| TV                   | 75/90<br>(83,3%)       |                              | 82/90<br>(91,1%)       | 3/90<br>(3,3%)              |
| TMĐ                  | 87/90<br>(96,7%)       | 3/90<br>(3,3%)               |                        |                             |

Từ bảng thống kê ở trên, trước hết có thể nhận xét rằng khả năng TV của HS Pà Thên được điều tra là rất cao. Mặc dù ở lớp Một, tỉ lệ là 50% (15/30 HS) nghe nói được và có 3/30 em (chiếm 10%) biết nói không biết chữ nhưng đến lớp Ba tỉ lệ này đã giảm dần và ở lớp Năm là 100% nghe nói được và biết chữ. Sở dĩ như vậy vì lớp Một là lớp đầu cấp, vốn TV của HS còn hạn chế. Khi đã vượt qua được chặng đường đầu khó khăn này thì nói chung các HS đều có thể được coi là "*biết*" TV. Càng lên lớp cao, thời gian tiếp xúc với TV tăng thì khả năng đối với TV của các em cũng tăng lên. Các em HS nam có khả năng nghe nói TV tốt hơn HS nữ, nhưng lại có tỉ lệ biết chữ thấp hơn. Điều này có thể là do HS nam thường năng động hơn, có nhu cầu giao tiếp lớn hơn, thời gian tiếp xúc với TV nhiều hơn HS nữ. Nhưng trong học tập, ghi chép thì lại thiếu cẩn thận và không chịu khó bằng HS nữ.

Đối với TMĐ tình hình cũng rất khả quan. Có đến 96,7% HS Pà Thên tự nhận nghe được nói được TMĐ. Có 3/90 em (3,3%) không biết nói TMĐ và số này đều rơi vào

các em HS lớp ba. Trên thực tế, qua tiếp xúc, có thể nhận thấy các em có biết nói vài câu nhưng đó là những câu thông dụng và đơn giản. Theo như nhận xét của chính các em thì mình không biết nói TMĐ. Theo điều tra thì ba HS này đều ở xã Tân Trịnh, trong nhà cũng như khi ra ngoài, phần lớn các em chỉ được tiếp xúc nhiều bằng TV. Do đó, với TMĐ, các em không thật sự thành thạo.

Như vậy, trạng thái ngôn ngữ của HS Pà Thên tại địa bàn khảo sát là trạng thái **song ngữ**. Ngoài TMĐ và TV, HS Pà Thên không biết thêm ngôn ngữ nào khác.

Đối với việc sử dụng các ngôn ngữ trong thực tế của HS, hãy xem HS Pà Thên "*thường dùng tiếng nào khi nói ...*" trong gia đình:

|                                                                   | TV              | TMĐ              |
|-------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------|
| với bố mẹ                                                         | 3/90 (3,3%)     | 87/90<br>(96,7%) |
| với ông bà                                                        | 3/90<br>(3,3%)  | 87/90<br>(96,7%) |
| với anh chị em                                                    | 3/90 (3,3%)     | 87/90<br>(96,7%) |
| với khách người Kinh                                              | 90/90<br>(100%) |                  |
| với khách người dân tộc mình                                      | 3/90 (3,3%)     | 87/90<br>(96,7%) |
| với khách dân tộc khác (không phải Kinh, không phải dân tộc mình) | 90/90<br>(100%) |                  |

Khi giao tiếp ở gia đình, HS Pà Thên cũng chỉ sử dụng TV và TMĐ nhưng có sự phân biệt trong sử dụng. Với ông bà, bố mẹ, anh chị em, chủ yếu nói bằng TMĐ (96,7%), nói TV rất ít (3,3%). Tỉ lệ này có thể được giải thích: Thứ nhất là môi trường để HS Pà Thên rèn luyện và thực hành về TV chủ yếu là ở trường học; Thứ hai là vốn TV không đáp ứng hết được nhu cầu giao tiếp phong phú của HS; Thứ ba là khả năng TV của các thành viên trong gia đình là không như nhau; Thứ tư là trong cộng đồng này có tâm lí hướng đến sử dụng TMĐ để bảo tồn "gốc rễ" dân tộc mình.

Nhận xét này còn được bổ sung thêm khi HS Pà Thên giao tiếp với khách là người dân tộc mình, tỉ lệ nói bằng TMĐ rất cao và nói

\* Chữ ở đây là chữ Quốc ngữ (tiếng Việt). Người Pà Thên chưa có chữ viết riêng, ngoài thứ chữ thời sơ khởi như hình vẽ, ít phổ biến.

bằng TV rất thấp. Như vậy, với HS Pà Thên, khi giao tiếp trong gia đình, TMD đã được coi là là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất. Chỉ khi giao tiếp với khách là người Kinh và người dân tộc khác (không phải người Kinh và người dân tộc mình), các em không hoặc rất ít sử dụng tiếng Pà Thên.

Tình hình sử dụng ngôn ngữ của HS Pà Thên còn được thể hiện trong các hoàn cảnh khác của đời sống, qua thống kê sau:

|                                          | TV               | TMD           |
|------------------------------------------|------------------|---------------|
| làm lụng                                 | 13/<br>90(14,4%) | 77/90 (85,6%) |
| vui chơi                                 | 49/90<br>(54,4%) | 41/90 (45,6%) |
| ở nơi công cộng<br>(chợ, bưu<br>điện...) | 74/90<br>(82,2%) | 16/90 (17,8%) |
| ca hát                                   | 89/90<br>(98,9%) | 1/90 (1,1%)   |
| thể thao                                 | 88/90<br>(97,8%) | 2/90 (2,2%)   |

Ở các hoàn cảnh nói trên, HS Pà Thên cũng đều thể hiện có năng lực song ngữ. Tuy nhiên có thể thấy, trong các hoạt động giao tiếp của HS, đặc biệt trong các hoàn cảnh có sự xuất hiện chủ yếu của các thành viên trong gia đình (như “làm lụng”) thì tiếng Pà Thên - TMD đã hành chức tích cực hơn (85,6%). Trong khi đó, TV được HS Pà Thên sử dụng như một ngôn ngữ thứ yếu (14,4%). Trong trường hợp này, mô hình song ngữ là: TMD - TV.

Ở các hoạt động ca hát, thể thao và ở nơi công cộng (chợ, bưu điện, cửa hàng...) thì TV lại trở nên vượt trội, chiếm lần lượt là 98,9%, 97,8% và 82,2%. Trong khi đó, TMD chỉ chiếm tỉ lệ rất thấp: 1,1% khi ca hát, 2,2% khi chơi thể thao và 17,8% ở nơi công cộng. Điều này chứng tỏ HS Pà Thên không biết hoặc biết rất ít, hoặc cũng có thể là không thích ca hát bằng TMD. Ngoài ra, ở những môi trường như thế này, có thể HS Pà Thên ý thức được việc phải dùng TV để tìm thấy tiếng nói chung với bạn bè thuộc các dân tộc khác. Như vậy, ngoại trừ lúc “làm lụng”, còn lại trong các hoàn cảnh khác nhau của đời sống,

HS Pà Thên thường sử dụng TV là chủ yếu, TMD là thứ yếu. Mô hình song ngữ ở đây là: TV - TMD.

Ở trường học, hãy xem HS Pà Thên sử dụng ngôn ngữ ra sao qua câu hỏi: “Ở trường em thường dùng tiếng nào khi...?":

|                               | TV            | TMD           |
|-------------------------------|---------------|---------------|
| nói với thầy cô trong giờ học | 90/90 (100%)  |               |
| nói với bạn trong giờ học     | 76/77 (98,7%) | 1/77 (1,3%)   |
| nói với thầy cô ngoài giờ học | 75/90 (83,3%) | 15/90 (16,7%) |
| nói với bạn ngoài giờ học     | 19/90 (21,1%) | 71/90 (78,9%) |

Nhìn một cách tổng quát, TV chiếm ưu thế tuyệt đối khi HS Pà Thên giao tiếp trong giờ học. Trên thực tế, TV là môn học bắt buộc được giảng dạy chính thức trong nhà trường, do đó tất cả HS đều phải dùng và dùng được ngôn ngữ này. TV đã có mặt với tỉ lệ rất cao trong giờ học, khi nói với thầy cô (100%) hay bạn bè (98,7%). Có phần khác, ngoài giờ học thì các em giao tiếp tự do với chủ đề mở rộng hơn, do đó cũng xuất hiện nhu cầu dùng cả TMD của HS (16,7%, khi nói với thầy cô; 78,9%, khi nói với bạn bè). Sự khác biệt trong sử dụng ngôn ngữ với hai đối tượng là thầy cô và bạn bè của HS rõ ràng có chủ ý: Đây là các đối tượng giao tiếp có vị thế xã hội khác nhau, thuộc các dân tộc khác nhau, và điều này quy định cách ứng xử bằng ngôn ngữ của học sinh Pà Thên, trong đó có việc lựa chọn ngôn ngữ sử dụng.

Kết quả thống kê trên cho thấy: Khi nói với thầy cô giáo trong giờ học cũng như ngoài giờ học, HS Pà Thên nói TV nhiều và ít TMD hơn. Đặc biệt, khi giao tiếp trong giờ học, 100% HS dùng TV. Như vậy, khi giao tiếp với đối tượng này, HS Pà Thên có trạng thái đơn ngữ: TV. Ngoài giờ học, thì là song ngữ: TV - TMD. Tuy nhiên, có 16,7% số HS Pà Thên khi giao tiếp với thầy cô ngoài giờ học dùng TMD. Con số này một mặt cho thấy một thực tế là TV chưa đáp ứng hết được những nhu cầu giao tiếp phong phú của HS

ngoài giờ lên lớp, một mặt lại như một lời ngợi ca đối với khả năng dùng TMD của HS của GV tại địa phương.

Khi nói với bạn bè trong giờ học, có 98,7% HS sử dụng TV, chỉ có một em (chiếm 1,3%) có sử dụng cả hai thứ tiếng. Song, khi nói với bạn ngoài giờ học thì tình hình lại ngược lại: Lúc này TMD lại chiếm ưu thế (78,9%), TV chỉ còn giữ vai trò bổ trợ thêm (21,1%). Như vậy, khi giao tiếp với bạn bè cả trong và ngoài giờ học, HS người Pà Thẻn đều có trạng thái song ngữ (mặc dù tỉ lệ có khác nhau). Số HS nói nhiều TV chủ yếu ở lớp Năm và nói nhiều TMD là học sinh lớp Một. Thực tế này cho thấy, năng lực TV của HS Pà Thẻn phụ thuộc rất lớn vào thời gian các em được học ở trường. Nghĩa là những lớp cao hơn đã tích lũy, tiếp thu và rèn luyện TV tốt hơn, vì thế nảy sinh xu thế thiên về đơn ngữ, là chỉ dùng TV. Ngược lại, ở những lớp đầu cấp, do thời gian tiếp xúc ít, học tập TV và bằng TV chưa nhiều, nên năng lực TV của các em còn thấp, vì vậy thường sử dụng cả hai ngôn ngữ, là TMD và TV.

Khả năng nắm bắt TV còn được thể hiện ở sự đánh giá của HS trong việc rèn luyện các kỹ năng cơ bản qua môn Tiếng Việt. Với câu hỏi: "*Học môn Tiếng Việt em thấy khó nhất là gì?*", kết quả thu được như sau:

|      | <b>bình thường</b> | <b>khó</b>       | <b>rất khó</b> |
|------|--------------------|------------------|----------------|
| nghe | 41/90<br>(45,6%)   | 46/90<br>(51,1%) | 3/90<br>(3,3%) |
| nói  | 56/90<br>(62,2%)   | 16/90<br>(17,8%) | 18/90<br>(20%) |
| đọc  | 45/90 (50%)        | 15/90<br>(16,7%) |                |
| viết | 31/90<br>(34,4%)   | 29/90<br>(32,2%) |                |

Kết quả thống kê cho thấy HS Pà Thẻn tự nhận thấy "*khó*" ở cả 4 kỹ năng, nhưng đáng lưu ý là "*rất khó*" chỉ có ở kỹ năng nghe - nói và chỉ có ở lớp Một. Rõ ràng, với HS lớp Một thì việc nghe hiểu lời của thầy cô giáo trên lớp quả là khó, và diễn đạt được những điều mình muốn nói bằng TV thì còn khó khăn hơn nữa. Hậu quả của việc này không chỉ

được thể hiện ở kết quả học tập không cao mà còn ở tâm lý chán nản, sợ sệt khi phải học TV. Ở các lớp Ba và lớp Năm, kỹ năng của các em có chiều hướng được nâng cao với nhận xét mức "*bình thường*" gia tăng, cao hơn đáng kể so với mức độ "*khó*" và "*rất khó*" (tỉ lệ không chênh lệch nhiều ở các lớp).

### 3. Thái độ của học sinh và phụ huynh người Pà Thẻn đối với việc sử dụng ngôn ngữ trong nhà trường

3.1. Thái độ là "*tổng thể nói chung những biểu hiện ra bên ngoài (bằng nét mặt, cử chỉ, lời nói, hành động) của ý nghĩ, tình cảm đối với ai hoặc đối với sự việc nào đó*" [2, tr.877]. Thái độ ngôn ngữ có thể coi là thái độ đối với ngôn ngữ, là "*sự đánh giá về giá trị và khuynh hướng hành vi của một cộng đồng hay cá nhân đối với một ngôn ngữ nào đó*" [1, tr.74].

Cho đến nay, Ngôn ngữ học xã hội thường nhắc đến ba loại thái độ ngôn ngữ cơ bản là: thái độ trung thành ngôn ngữ, thái độ kì thị ngôn ngữ và thái độ tự ti ngôn ngữ.

Sự hình thành thái độ ngôn ngữ phụ thuộc vào hàng loạt các nhân tố ngoài ngôn ngữ như: giới tính, nghề nghiệp, tuổi tác và các nguyên nhân khác nữa.

Từ nội hàm cơ bản của khái niệm về thái độ ngôn ngữ, dưới đây xin khảo sát ý kiến về vấn đề sử dụng ngôn ngữ trong giảng dạy cho con em Pà Thẻn trong nhà trường từ hai góc nhìn: góc nhìn của các em HS Pà Thẻn và góc nhìn của phụ huynh HS.

#### 3.2. Thái độ của HS Pà Thẻn

Khảo sát thái độ của HS Pà Thẻn trong việc lựa chọn ngôn ngữ dùng để làm phương tiện dạy học trong nhà trường, chúng tôi đã được sử dụng là anket điều tra với câu hỏi: "*Em thích học bằng tiếng nào trong các môn học sau...?*". Kết quả thu được như sau:

- Đối với các môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Thể dục, 100% HS Pà Thẻn được hỏi đều trả lời thích học bằng TV hơn.

- Đối với các môn Nghệ thuật, Âm nhạc, Mĩ thuật, Kinh tế gia đình, có 49/90 em (54,4%) thích học bằng song ngữ TMD - TV. Lí do được các HS này nêu ra là: học bằng TMD sẽ thấy hay hơn, nhất là trong môn Âm nhạc (học hát). Một số khác lại cho rằng phải sử dụng cả TV thì các em hiểu bài nhanh hơn, vì diễn đạt bằng tiếng Pà Thẻn trong những trường hợp này “không thích hợp” đối với cả người nói và người nghe.

Khảo sát thái độ của HS Pà Thẻn trong việc sử dụng ngôn ngữ ở những hoàn cảnh khác nhau: trong lớp học và ngoài lớp học, có thể nhận thấy:

- Đa số HS Pà Thẻn được hỏi trả lời rằng thích dùng TV để nghe bài giảng của thầy cô giáo trên lớp học. Điều này cũng không khó hiểu, vì trong nhà trường, TV là ngôn ngữ chính thức đồng thời là một môn học bắt buộc, giáo viên và HS đều phải sử dụng TV để giảng dạy và học tập. Hơn nữa, trong lớp học còn có sự góp mặt của những HS dân tộc khác. Để có thể trao đổi với nhau, các HS này cần phải hướng đến một ngôn ngữ chung là TV. Thực tế đó đã khiến phần lớn HS lựa chọn TV là ngôn ngữ duy nhất dùng trong giờ học. Chỉ có một em (chiếm 1,1%) trả lời thích dùng cả TMD.

- Ngoài giờ học, tình hình lại khá đa dạng, không một chiều như vậy. Tùy thuộc vào đối tượng là ai và chủ đề giao tiếp như thế nào mà HS Pà Thẻn thích dùng TV, TMD, hoặc cả hai ngôn ngữ.

Như vậy có thể thấy, đối với HS Pà Thẻn ở Hà Giang, TV và TMD là hai ngôn ngữ được tôn trọng và đã quên dùng. Thái độ này không có sự chênh lệch nhau giữa nam và nữ, cho nên khi lựa chọn ngôn ngữ giảng dạy trong nhà trường, tiêu chí giới tính không đóng vai trò quan trọng. Song cần đặc biệt lưu ý đến sở thích kết hợp cả hai ngôn ngữ trong sử dụng của HS Pà Thẻn. Các em ý thức được TV là phương tiện giao tiếp quan trọng, đồng thời TMD cũng tạo cho các em niềm hứng khởi và tự tin.

3.3. Thái độ của phụ huynh người Pà Thẻn  
Trước hết, với câu hỏi: “*Theo bác (ông, bà, anh, chị...), con cháu mình ở trường nói với thầy cô giáo bằng tiếng nào thì dễ dàng, thuận tiện hơn?*”, kết quả thu được như sau:

- Có 52/61 phụ huynh (chiếm 85,2%) cho rằng chỉ nên nói bằng TV. Điều này cho thấy các bậc phụ huynh rất lạc quan vào trình độ TV của con cháu họ. Chỉ dùng TV trong nhà trường, theo họ, chính là cách tốt nhất để con cháu mình có thể học tập tốt hơn bằng TV và học giỏi TV hơn.

- Có 9/61 phụ huynh (chiếm 14,8%) cho rằng con cháu mình ở trường nên nói xen kẽ cả TMD và TV. Theo khảo sát, đây là những phụ huynh có con cháu học lớp Một, họ rất hiểu khả năng TV của con em mình còn hạn chế và không thể không lo lắng. Vì thế, họ đã cho rằng nếu con em họ dùng cả hai thứ tiếng (và thầy cô giáo hiểu được) thì con em họ sẽ bớt nhút nhát và chủ động nói năng khi ở trường (thầy như ở nhà mình).

Với câu hỏi: “*Theo bác (ông, bà, anh, chị... ) ở trường các thầy cô giáo nên nói bằng tiếng nào thì con cháu bác (ông, bà, anh, chị...) dễ hiểu hơn?*”, kết quả là:

- Có 56/61 phụ huynh (chiếm 91,8%) cho rằng các thầy cô giáo chỉ nên nói bằng TV thì sẽ có lợi hơn đối với con cháu họ. Tỉ lệ này cho ta thấy: một là sự tán thành, nhất trí cao của phụ huynh người Pà Thẻn đối với việc dùng TV làm phương tiện giảng dạy bậc Tiểu học cho con cháu họ; hai là phản ánh thực tế và nhu cầu sử dụng TV cũng như nâng cao trình độ TV đối với người Pà Thẻn, trong đó có lứa tuổi HS.

- Có 5/61 phụ huynh (chiếm 8,2%) cho rằng nên dùng xen kẽ TMD và TV trong giảng dạy ở nhà trường. Mặc dù đây là con số ít ỏi nhưng không thể bỏ qua, cho thấy mong muốn của một số phụ huynh là đưa TMD vào trong nhà trường làm công cụ học tập các môn học bên cạnh tiếng Việt, thì con cháu họ hiểu bài tốt hơn.

Như vậy, từ góc độ phụ huynh HS, ý kiến chỉ nên dùng TV đối với cả HS và GV trong nhà trường chiếm tỉ lệ cao hơn cả. Song, bên cạnh đó cũng cần lưu ý đến ý kiến sử dụng đan xen TMD và TV trong nhà trường của một số phụ huynh có con em đầu cấp học.

#### **4. Một số kiến nghị về giáo dục ngôn ngữ cho HS Pà Thên**

Giáo dục là hoạt động nhằm tác động một cách có hệ thống đến đối tượng nào đó, làm cho đối tượng ấy có được những phẩm chất hoặc năng lực theo yêu cầu nhất định. Như vậy, giáo dục ngôn ngữ cũng được hiểu là hoạt động của giáo viên tác động tới HS (hay người học nói chung), nhằm làm cho HS có được một năng lực ngôn ngữ nhất định.

Một số mô hình giáo dục ngôn ngữ ở vùng đồng bào các DTTS ở Việt Nam:

- Mô hình thứ nhất - “giáo dục thả nổi”. Hiểu một cách đơn giản: HS DTTS (có TMD không phải là TV) và học sinh người Kinh (có TMD là TV) đều chỉ được giáo dục bằng một cách: dạy - học TV và dạy - học bằng TV.

- Mô hình thứ hai – dạy và học “bơi” trong TV lúc ban đầu trước khi “thả nổi”. Cũng như mô hình thứ nhất, mô hình giáo dục ngôn ngữ này thực chất chỉ là dạy- học TV và dạy- học bằng TV, nhưng bắt đầu sớm hơn, trước khi các HS tương lai này đến trường.

- Mô hình thứ ba - dạy - học TMD và bằng TMD của HS trước, sau đó chuyển dần sang dạy - học TV và bằng TV, còn TMD của HS lùi xuống vị trí là một môn học.

- Mô hình thứ tư - bắt đầu dạy - học TV và bằng TV, TMD của HS chỉ được dạy-học như một môn học (có thể ở giai đoạn bất kì trong từng cấp học).

Từ việc khảo sát tình hình sử dụng ngôn ngữ của HS Pà Thên ở Hà Giang, thái độ của HS và phụ huynh đối với việc sử dụng ngôn ngữ trong nhà trường, thiết nghĩ:

- Đối với các lớp đầu cấp, đặc biệt là lớp Một, sự hỗ trợ của TMD của HS là rất cần thiết (theo khảo sát có 50% HS cuối lớp Một

chỉ nghe mà không nói được TV và 10% không biết chữ) trong tất cả các hoạt động. Như vậy, với những HS này nên áp dụng theo cách: dạy tập nói TV cho HS trước khi vào Tiểu học với mục đích là giúp HS đỡ bỡ ngỡ, chủ động dùng TV ở các lớp trên. Ở giai đoạn này, TMD của HS dùng để hỗ trợ cho TV trong dạy và học, để giải nghĩa TV (trong những trường hợp cần thiết). Theo nhận xét của đa số GV được hỏi, HS Pà Thên phải hết lớp Ba mới có thể hiểu hết lời thầy cô giáo nói bằng TV. Cho nên, ở những lớp đầu cấp, việc giải nghĩa như vậy tương đối thường xuyên, sau đó sẽ giảm dần ở những lớp cao.

- Đối với những HS lớp Bốn, lớp Năm có thể áp dụng cách giáo dục truyền thống: dạy học TV và bằng TV, tức là TV vừa như phương tiện vừa như đối tượng dạy học. Đồng thời, để bảo tồn và phát triển tiếng Pà Thên, ở giai đoạn này có thể coi việc dạy và học ngôn ngữ của dân tộc Pà Thên như một môn học. Tuy nhiên, thực hiện cách thứ hai này cần đặc biệt chú ý đến việc bồi dưỡng để chuẩn bị đội ngũ giáo viên, lập chương trình, và cả việc biên soạn sách giáo khoa...

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Văn Khang (2003), *Kế hoạch hóa ngôn ngữ - Ngôn ngữ học xã hội vĩ mô*, Nxb KHXH, H.
2. Hoàng Phê (chủ biên) (2004), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
3. Tạ Văn Thông (2003), *Ngôn ngữ trong giáo dục ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, T/c Ngôn ngữ và đời sống, số 10.
4. Tạ Văn Thông (2007), *Những phương cách giáo dục ngôn ngữ đối với học sinh dân tộc thiểu số bậc mầm non và tiểu học qua thực tế ở Mường Chà (Điện Biên) và Tiên Yên (Quảng Ninh)*, Hội thảo Ngữ học Trẻ.
5. Viện Ngôn ngữ học (2002), *Cánh hướng và chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam*, Nxb KHXH, H.
6. Viện Ngôn ngữ học (1993), *Những vấn đề chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam*, Nxb KHXH, H.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 06-06-2011)